

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T- H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 9 - 2017

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- H**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.
2. Ông Võ Bảo Toàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T- H, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T- H, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc “*tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Hạt N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp Bà Luông, xã H, huyện T- H, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Thái Văn S, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Bà Luông, xã H, huyện T- H, tỉnh Long An.

(Bà N có mặt; ông S vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Đỗ Thị Hạt N yêu cầu khởi kiện:* Bà Đỗ Thị Hạt N và ông Thái Văn S sống chung vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ vào năm 2011. Trong quá trình chung sống bà N và ông S có 01 con chung tên Thái Thị Anh Thư, sinh ngày 26/4/2007, cháu Thư hiện đang sống chung với bà N. Bà N và ông S lúc đầu sống chung hạnh phúc nhưng từ năm 2015 ông S không lo làm ăn mà ham chơi cờ bạc, rượu chè mặc dù đã được bà N khuyên ngăn nhưng ông S không

nghe lời khuyên mà vẫn tiếp tục cờ bạc dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được tình cảm, bà N và bà ông S đã không sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà N khởi kiện yêu cầu: Về tình cảm, bà N yêu cầu ly hôn với ông S; về con chung, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con tên Thái Thị Anh Thư, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Thái Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Đỗ Thị Hát N và ông Thái Văn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông S cư trú trên địa phận huyện T- H, bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T- H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc giải quyết vắng mặt ông Thái Văn S:* Ông S vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[3] *Về hôn nhân:* Bà Đỗ Thị Hát N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do ông S không lo làm ăn mà ham chơi cờ bạc, rượu chè mặc dù đã được bà N khuyên ngăn. Trong khi, bà N và ông S đã không sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy, ông S vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà N nên lời trình bày của bà N về tình trạng mâu thuẫn giữa bà N và ông S là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông S không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa bà N và ông S.

[4] *Về con chung:* Bà Đỗ Thị Hát N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Thái Thị Anh Thư, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Ông S vắng mặt và không có ý kiến nào về việc nuôi dưỡng con chung, trong khi tại bản tự khai ngày 18/7/2017 cháu Thái Thị Anh Thư có nguyện vọng được sống chung với bà N. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà N.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị Hạt N không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông S không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bà Đỗ Thị Hạt N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hạt N đối với ông Thái Văn S.

Về hôn nhân: Cho bà Đỗ Thị Hạt N ly hôn với ông Thái Văn S.

Về con chung: Bà Đỗ Thị Hạt N được quyền nuôi dưỡng con chung tên Thái Thị Anh Thư, sinh ngày 26/4/2007, cháu Thư hiện đang sống chung với bà N, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Bà Đỗ Thị Hạt N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai số 0003568 ngày 01 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T- H sang thi hành án phí, bà N đã nộp xong án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- THADS huyện Thạnh Hóa;
- UBND phường Thường Thạnh, quận
Cái Răng, TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Phùng Trường Thọ